

Dữ liệu thị trường ngày 05/05/2026

| Tổng quan | VN-Index | HNX-Index |
|--------------------------------------|-----------------|---------------|
| Chỉ số | 1.874,85 | 247,42 |
| Thay đổi (điểm) | 20,79 | -2,62 |
| Thay đổi (%) | 1,12 | -1,05 |
| KLGD (triệu cp) | 773 | 68 |
| GTGD (tỷ đồng) | 22.355 | 1.261 |
| NĐT nước ngoài giao dịch ròng | | |
| HOSE | -993 | (tỷ đồng) |
| HNX | 15 | (tỷ đồng) |
| UPCOM | -17 | (tỷ đồng) |



Top cổ phiếu ảnh hưởng VNINDEX

Ảnh hưởng tích cực:

VIC, VHM, VPB, BSR,...

Ảnh hưởng tiêu cực:

VCB, GVR, NVL, ACB,...

VNINDEX BẬT TĂNG 21 ĐIỂM DÙ SẮC ĐỎ ÁP ĐẢO THỊ TRƯỜNG

Chuyển động thị trường và dự báo:

Kết thúc phiên giao dịch ngày 05/05, VN-Index bật tăng mạnh 20,79 điểm (+1,12%) lên 1.874,85 điểm. Độ rộng thị trường lại cho thấy một bức tranh kém tích cực hơn khi 438 mã cổ phiếu giảm áp đảo đáng kể so với 261 mã tăng. Tâm điểm dòng tiền tiếp tục ghi nhận ở nhóm năng lượng khi tăng 4,1%, nổi bật với BSR (+5,94%), PVD (+3,94%) và PVT (+6,74%). Bên cạnh đó, nhóm cổ phiếu thuộc hệ sinh thái Vingroup tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt, đóng góp hơn 23 điểm cho chỉ số chung với đà tăng ấn tượng của VIC (+3,54%), VHM (+6,48%), VRE (+4,45%) và VPL (+3,29%). Lực kéo mạnh mẽ này không chỉ giúp củng cố đà đi lên mà còn lan tỏa khiến toàn ngành bất động sản và tiêu dùng không thiết yếu tăng lần lượt 3,13% và 0,96%. Ở chiều ngược lại, áp lực bán tập trung tại nhóm dịch vụ truyền thông khiến ngành này giảm mạnh nhất thị trường -1,33%, với các mã tiêu biểu như VGI (-1,12%), FOX (-2,85%) và CTR (-1,29%). Nhóm tài chính cũng không nằm ngoài xu hướng điều chỉnh khi chịu áp lực chốt lời xuyên suốt phiên, kéo VCB (-1,32%), ACB (-2,16%) và SSI (-1,44%) giảm điểm, qua đó khiến toàn ngành lùi nhẹ 0,35%.

Thanh khoản thị trường đạt 22.355 tỷ đồng, tăng 5,52% so với phiên trước, cho thấy dòng tiền cải thiện nhẹ. Tuy nhiên, khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh với giá trị 994 tỷ đồng, tập trung tại ACB (426 tỷ), HPG (285 tỷ) và FPT (134 tỷ). Ngược lại, lực mua ròng ghi nhận tại POW (143 tỷ) và VHM (69 tỷ), nâng tổng giá trị mua đạt khoảng 2.030 tỷ đồng.

Diễn biến hiện tại cho thấy thị trường vẫn đang phụ thuộc đáng kể vào nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, khiến trạng thái phân hóa và rung lắc có thể còn kéo dài trong ngắn hạn. Dù vậy, các nhịp điều chỉnh vẫn là cơ hội để dòng tiền chọn lọc và tích lũy những cổ phiếu có nền tảng tốt.

CỔ PHIẾU QUAN TÂM: MWG, VPL, GMD, KSB, CTD, VJC, STB.



Danh sách khuyến nghị tháng 04.2026

| Mã cổ phiếu | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ |
|-------------|--------------|------------|
| MWG | 88.000 | 74.000 |
| CTG | 37.000 | 32.000 |
| GMD | 81.000 | 67.500 |
| MSN | 85.000 | 70.500 |
| VPB | 29.500 | 24.300 |
| KDH | 28.500 | 23.500 |
| MBB | 28.500 | 24.500 |

Danh sách công bố ngày 07/04/2026, VikkibankS.vn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 04.2026 (*):

| Mã | Thông tin | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa tại ngày khuyến nghị | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Tỷ suất sinh lời kỳ vọng |
|------------|--|------------------|-----------------------------------|--------------|------------|--------------------------|
| MWG | - Trong 2 tháng đầu năm 2026, doanh thu 32.204 tỷ đồng, tăng trưởng 31% so với cùng kỳ (YoY). Điện Máy Xanh (ĐMX, TGDD, Topzone, Erablue, thợ ĐMX) đạt 22,8 nghìn tỷ doanh thu, tăng 35% YoY, các ngành hàng công nghệ và điện máy đều tăng trưởng mạnh, EraBlue tăng 96% so với cùng kỳ. Bách Hóa Xanh doanh thu 8,8 nghìn tỷ trong 2T2026, +24% YoY. | 07/04/2026 | 78.000 | 88.000 | 74.000 | 12,8% |
| CTG | - CTG đặt kế hoạch 2026: Tăng trưởng tổng tài sản 5-10%, tín dụng tăng 11% (theo hạn mức NHNN), kỳ vọng được cấp thêm hạn mức đạt 15% như năm 2025, kiểm soát nợ xấu dưới 1,8%. Mục tiêu thu hồi 10.000 tỷ nợ xấu. Dự kiến chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn lợi nhuận 2025, nếu cộng dồn các năm 2023 và 2024, tổng vốn CTG có thể >100k tỷ | 07/04/2026 | 33.700 | 37.000 | 32.000 | 9,8% |
| GMD | - GMD đặt kế hoạch 2026: LNTT 2.800 tỷ đồng, +12% YoY. Cổ tức 20-22% bằng tiền mặt, và cổ tức bằng cổ phiếu 2:1, tăng vốn điều lệ lên mức 6,5 nghìn tỷ. Duy trì tăng trưởng kép 2026-2030 đạt mức 20%/năm. Sản lượng quý 1 Gemalink ước đạt 526.000 TEU, +20% YoY và Nam Đình Vũ ước đạt 357.000 TEU đi ngang so với Q1.2025 | 07/04/2026 | 71.900 | 81.000 | 67.500 | 12,7% |
| MSN | - MSN đặt kế hoạch 2026: Doanh thu 93.500-98.000 tỷ đồng (+15-20% YoY), LNST 7.250-7.900 tỷ đồng (+7-17% YoY), ESOP 1% tương đương 14,5 triệu cp. Triển vọng đến từ mảng tiêu dùng, khoáng sản, và chuỗi siêu thị. | 07/04/2026 | 75.100 | 85.000 | 70.500 | 13,2% |
| VPB | - Năm 2026, mục tiêu tăng trưởng tín dụng 35%, giảm tín dụng BĐS (dưới 23%). Ngân hàng mẹ đặt mục tiêu nợ xấu dưới 2,5% so với 2,03% năm 2025. Mục tiêu 2026, lợi nhuận VPBankS đạt 6.453 tỷ đồng (+ 44% yoy); OPES 936 tỷ (+47% yoy); FE Credit 1.179 tỷ (+93% yoy), LN hợp nhất VPBank 41.323 tỷ đồng, +35%yoy. Tăng vốn điều lệ lên tối đa 100.000 tỷ đồng. | 07/04/2026 | 26.050 | 29.500 | 24.300 | 13,2% |
| KDH | - KDH đặt kế hoạch 2026: Doanh thu 4.200 tỷ đồng (-10,1% YoY) và LNST 1.500 tỷ đồng (+43,5% YoY). Trọng tâm ghi nhận doanh thu từ dự án Gladia, dự kiến mở bán Gladia phân khu cao tầng 2026 vào Q3. | 07/04/2026 | 25.000 | 28.500 | 23.500 | 14,0% |
| MBB | - MBB đặt kế hoạch 2026: LNTT tăng 15% so với 2025. Tăng tỷ trọng mảng bán lẻ, cùng với đó là mảng sản xuất và mở rộng phân khúc khách hàng FDI. Tăng vốn để đảm bảo CAR trên 9%, đáp ứng Basel III. Tín dụng 2026 mục tiêu tăng 30% yoy, huy động tăng 30% và tổng tài sản tăng 28% yoy, nợ xấu dưới 1,5%. Tăng vốn tối đa 103 nghìn tỷ qua 3 phương án. | 07/04/2026 | 25.600 | 28.500 | 24.500 | 11,3% |

(*) Danh mục tháng 04.2026 so với tháng 03.2026, chúng tôi loại STB, VCB, HCM, trong khi thêm mới MSN, KDH, GMD, và giữ nguyên MWG, CTG, VPB, MBB. Nhìn lại tháng 3 đầy biến động, chúng tôi đã lựa chọn nhóm ngân hàng chiếm đa số với 5/7 cổ phiếu, việc này giúp danh mục vững vàng hơn, trong khi nhóm ngân hàng đã giảm sâu tạo nên biên an toàn tốt hơn nhờ bộ đệm định giá. Kết quả tháng 3 khi Vnindex từ ngày 9/3-7/4 tăng 1,5% thì danh mục tăng 3,58%. Bước sang tháng 4, chúng tôi tiếp tục cơ cấu lại danh mục, với kỳ vọng thị trường tạo đáy cân bằng trong tháng này. Với MWG, tiếp tục là lựa chọn hàng đầu cho chiến lược dài hạn, trong ngắn hạn những câu chuyện mang lại chất xúc tác cho MWG bao gồm IPO chuỗi ĐMX và sự hoạt động hiệu quả của chuỗi này khi doanh thu/cửa hàng tiếp tục cải thiện, chuỗi EraBlue tăng trưởng mạnh, chuỗi An Khang hưởng đến lợi nhuận dương năm 2026, Bách Hóa Xanh tăng trưởng cao nhờ mở rộng sang miền Bắc và cải thiện cơ cấu ngành hàng. Trong dài hạn, việc hiện đại hóa ngành bán lẻ, tăng cường quản lý và kiểm soát hàng lậu, các chính sách liên quan đến thuế hộ kinh doanh, tạo nên môi trường kinh doanh cân bằng hơn giữa các kênh truyền thống và hiện đại, giúp cho MWG và MSN có lợi hơn. Với MSN, sau năm 2025 cơ cấu của Mảng tiêu dùng (Masan Consumer-MCH) do sự thay đổi chính sách thuế hộ kinh doanh, bước sang 2026 MCH đóng góp tăng trưởng nhiều hơn, khi lợi nhuận đã cải thiện qua từng quý gần đây, doanh thu 2T2026 của MCH tăng 15,2%; Mảng Bán lẻ (WinCommerce) doanh thu tăng 32% trong 2 tháng đầu năm, mở mới 145 cửa hàng và là kênh phân phối hỗ trợ cho MCH và Masan Meatlife; Mảng Khoáng sản (MSR) quay trở lại là trụ cột khi giá Vonfram tăng mạnh, tháng 3 gấp 4 lần giá trung bình năm 2025, và dự báo duy trì nền cao trong năm 2026 nhờ nguồn cung khan hiếm, nhu cầu cao. Với nhóm ngân hàng, chúng tôi tiếp tục ưa thích 3 ngân hàng quen thuộc là CTG, MBB, và VPB với từng câu chuyện riêng biệt, CTG là ngân hàng có tốc độ tăng trưởng cao trong nhóm ngân hàng quốc doanh, MBB và VPB đều được hưởng lợi nhờ hạn mức room tín dụng cao, MBB với tỷ lệ CASA cao nhất ngành và hệ sinh thái đa dạng, trong khi VPB với sự hỗ trợ vốn chi phí thấp từ SMBC và để ngỏ hợp tác chặt chẽ hơn giữa SMBC và VPB qua các thương vụ bán vốn trong tương lai; và cả 3 ngân hàng trên đều có kế hoạch tăng vốn điều lệ trong 2026. Với GMD, dự kiến duy trì tăng trưởng cao nhờ vị trí các cảng biển thuận lợi, dự án Gemalink giai đoạn 2 của GMD cũng là dự án sớm nhất của khu vực Cái Mép Thị Vải được đưa vào hoạt động (cuối 2027), khi mà nhu cầu đang cao hơn nguồn cung tại khu vực này, tăng phí bốc dỡ cảng biển, kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước trong quý 1 tăng 23% so với cùng kỳ, giá cổ phiếu GMD giảm trong những phiên đầu tháng 4 do áp lực từ lượng cổ phiếu ESOP. Với KDH, môi trường lãi suất cao đã kéo theo ngành bất động sản suy giảm gần đây, chúng tôi kỳ vọng sẽ sớm có các chính sách về hạ nhiệt lãi suất thời gian tới, và kéo theo tín hiệu mở bán nhiều hơn các dự án từ cuối quý 2, tương tự như năm 2025 khi cũng có nhiều đợt mở bán thời điểm này. Danh mục trên cũng là những cổ phiếu dự kiến có kết quả kinh doanh tăng trưởng trong quý 1 và cũng có nhiều cổ phiếu có tính thị trường cao như ngân hàng, hay MSN hưởng lợi từ câu chuyện nâng hạng thị trường của tháng 4. Tóm lại, căng thẳng khu vực Trung Đông là bài toán khó suy đoán, dẫn đến các chiến lược giao dịch ngắn hạn trở nên rủi ro cao do khó ước tính, nhà đầu tư cần duy trì tỷ trọng danh mục hợp lý để đảm bảo chịu được các cú sốc trong ngắn hạn. Chúng tôi kỳ vọng, sẽ có những câu trả lời rõ ràng hơn về việc mở cửa eo biển Hormuz trở lại trong tháng 4, việc gián đoạn nguồn cung dầu thô và giá dầu cao nếu tiếp tục trong thời gian dài sẽ ảnh hưởng nhiều hơn đến lạm phát, từ đó tác động sâu rộng đến nền kinh tế và tâm lý thị trường chúng khoán. **Kiên nhẫn, cẩn trọng, giữ niềm tin, vùng định giá thấp của VNindex đang dần mở ra cơ hội!**

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG

Moody's vừa nâng triển vọng tín nhiệm của Việt Nam từ “ổn định” lên “tích cực” và giữ nguyên xếp hạng Ba2, phản ánh đánh giá tích cực về cải cách thể chế, quản trị, chuyển đổi số, đầu tư hạ tầng và chất lượng lao động. Nền kinh tế duy trì tăng trưởng tốt, FDI ổn định, dự trữ ngoại hối và nợ công ở mức an toàn. Rủi ro từ bảo hộ thương mại Mỹ giảm, nhưng vẫn tồn tại thách thức từ hệ thống ngân hàng, bất động sản và yếu tố địa chính trị. Moody's cho rằng xếp hạng có thể được nâng nếu cải cách tiếp tục, thu hút FDI công nghệ cao và giữ ổn định vĩ mô; ngược lại có thể bị hạ nếu cải cách chậm lại hoặc rủi ro tài chính gia tăng.

STB: Sacombank giảm khoảng 2.600 nhân sự trong quý I/2026 (tổng còn 14.100 người), mức tinh gọn lớn nhất nhiều năm. Lợi nhuận trước thuế còn 2.100 tỷ đồng (-43% YoY) do dự phòng rủi ro tăng gấp 10 lần (2.000 tỷ). Ngân hàng cắt giảm chi phí, tăng thu ngoài lãi và tái cấu trúc mạnh sau khi Nguyễn Đức Thụy tham gia điều hành.

CII: UBND Đồng Nai giao liên danh do CII đứng đầu lập hồ sơ dự án đường trên cao dọc Quốc lộ 51, tổng vốn khoảng 16.400 tỷ đồng. Tuyến dài 6,2 km (cầu cạn 4,6 km), quy mô 6 làn, triển khai theo hình thức PPP – BOT, nhà đầu tư tự thu xếp vốn. Dự án giải phóng gần 58,2 ha, ảnh hưởng 49 hộ dân. Mục tiêu giảm ùn tắc, tăng kết nối TP.HCM và khu vực sân bay Long Thành, tạo động lực phát triển kinh tế.

VPB: VPBank cho biết bà Phạm Thị Nhung đăng ký mua 30 triệu cổ phiếu VPB (8/5–7/6). Nếu hoàn tất, sở hữu tăng từ 0,58% lên 0,96% (76 triệu cp), dự chi khoảng 840 tỷ đồng; bà đồng thời là Chủ tịch GPBank.

DHG: Dược Hậu Giang chốt danh sách cổ đông 12/5 để trả cổ tức tiền mặt đợt 1/2025 tỷ lệ 50% (5.000 đồng/cp), tổng chi khoảng 654 tỷ đồng. SCIC và Taisho Pharmaceutical lần lượt nhận khoảng 283 và 334 tỷ đồng.

VTP: Viettel Post ghi nhận quý I/2026 doanh thu 4.758 tỷ đồng (-5,6% yoy), chủ yếu do doanh thu thẻ cào giảm. Lợi nhuận trước thuế đạt 51,7 tỷ (-41,6% yoy), lợi nhuận sau thuế gần 39 tỷ (-43,7% yoy) do chi phí tài chính, bán hàng và vận hành tăng mạnh. Doanh thu tài chính tăng gấp đôi nhưng không bù đắp được chi phí. Năm 2026, công ty đặt mục tiêu doanh thu 19.519 tỷ và lợi nhuận trước thuế 515 tỷ; sau quý I đã hoàn thành 24,3% kế hoạch doanh thu và 10% lợi nhuận.

BSR: BSR ghi nhận tồn kho quý I/2026 hơn 21.500 tỷ đồng, tăng gần 9.000 tỷ, chủ yếu do tăng dự trữ dầu thô trước rủi ro địa chính trị tại Trung Đông; hàng mua đang đi đường chiếm hơn 40%. Doanh thu đạt 45.900 tỷ (+44% yoy), lợi nhuận sau thuế 8.265 tỷ, gấp hơn 20 lần cùng kỳ, cao nhất 4 năm, vượt xa kế hoạch năm. Kết quả nhờ giá dầu tăng mạnh từ khoảng 67 USD lên gần 104 USD/thùng, giúp biên lợi nhuận cải thiện đáng kể.

HAH: Hải An ghi nhận quý I/2026 doanh thu 1,26 nghìn tỷ đồng (+8% yoy), lợi nhuận ròng gần 300 tỷ (+29% yoy). Tăng trưởng lợi nhuận vượt trội nhờ biên lãi gộp cải thiện từ 32,9% lên 39,1%, đặc biệt mảng khai thác tàu tăng từ 24,1% lên 31%. Các chi phí tài chính, bán hàng và quản lý được kiểm soát ổn định. Doanh nghiệp chưa đầu tư lớn cho tàu mới trong kỳ, nhưng dòng tiền kinh doanh dồi dào từ hoạt động khai thác tạo nền tảng cho kế hoạch mở rộng đội tàu thời gian tới.

HSG: Hoa Sen Group ghi nhận quý II niên độ 2025–2026 doanh thu 8.967 tỷ (+6% yoy) nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ 118,6 tỷ (-42% yoy) do giá vốn tăng và chi phí tài chính tăng mạnh. Lũy kế 6 tháng, lợi nhuận đạt 181 tỷ (-51% yoy). Chi phí lãi vay tăng 139% lên 108 tỷ khi dư nợ ngắn hạn lên 8.267 tỷ (+87,7% yoy). Tồn kho vượt 10.374 tỷ đồng, kéo theo dự phòng gần 196 tỷ và khiến dòng tiền kinh doanh âm, tạo áp lực tài chính đáng kể.

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 01+02+03.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 01.2026

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa ngày khuyến nghị | Ngày chốt danh mục | Giá đóng cửa ngày chốt danh mục | Tỷ suất sinh lời | Biên độ giá biến động trong kỳ | % giảm so với giá dùng lỗ đề xuất |
|---|------------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------------|------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
| MWG | 07/01/2026 | 89.800 | 09/02/2026 | 89.300 | -0,56% | 83.800–94.400 | -4,23% |
| CTG | 07/01/2026 | 37.450 | 09/02/2026 | 37.100 | -0,93% | 36.800–43.500 | -4,41% |
| KBC | 07/01/2026 | 35.800 | 09/02/2026 | 34.500 | -3,63% | 33.300–38.200 | -4,19% |
| GMD | 07/01/2026 | 62.700 | 09/02/2026 | 71.300 | 13,72% | 61.900–75.000 | -4,78% |
| VPB | 07/01/2026 | 29.250 | 09/02/2026 | 26.750 | -8,55% | 26.650–31.450 | -4,96% |
| DBC | 07/01/2026 | 26.850 | 09/02/2026 | 26.750 | -0,37% | 25.750–29.650 | -3,91% |
| MBB | 07/01/2026 | 26.700 | 09/02/2026 | 27.600 | 3,37% | 26.000–28.300 | -4,12% |
| VNINDEX | 07/01/2026 | 1.861,58 | 09/02/2026 | 1.754,82 | -5,73% | 1.749,87–1.918,46 | |
| Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 - 09/02 | | | | | 0.43% | | -4,37% |

Danh sách khuyến nghị tháng 02.2026

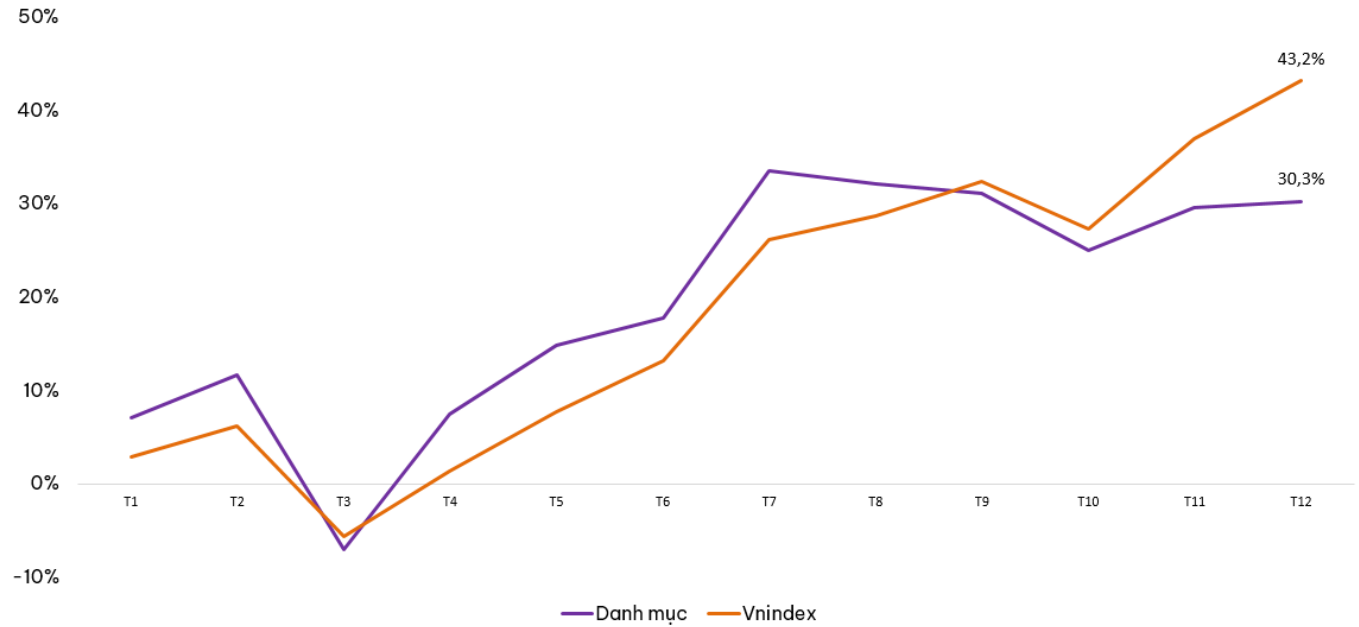
| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa ngày khuyến nghị | Ngày chốt danh mục | Giá đóng cửa ngày chốt danh mục | Tỷ suất sinh lời | Biên độ giá biến động trong kỳ | % giảm so với giá dùng lỗ đề xuất |
|---|------------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------------|------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
| MWG | 09/02/2026 | 89.300 | 09/03/2026 | 77.000 | -13,77% | 77.000–94.300 | -5,38% |
| CTG | 09/02/2026 | 37.100 | 09/03/2026 | 33.200 | -10,51% | 33.200–39.100 | -4,85% |
| KBC | 09/02/2026 | 34.500 | 09/03/2026 | 29.900 | -13,33% | 29.900–36.350 | -5,80% |
| HCM | 09/02/2026 | 22.900 | 09/03/2026 | 21.750 | -5,02% | 21.750–25.750 | -5,24% |
| VPB | 09/02/2026 | 26.750 | 09/03/2026 | 24.800 | -7,29% | 24.800–29.500 | -4,67% |
| DBC | 09/02/2026 | 26.750 | 09/03/2026 | 22.900 | -14,39% | 22.900–27.550 | -4,67% |
| MBB | 09/02/2026 | 27.600 | 09/03/2026 | 24.850 | -9,96% | 24.850–29.500 | -5,07% |
| VNINDEX | 09/02/2026 | 1.754,82 | 09/03/2026 | 1.652,79 | -5,81% | 1.650,49–1.899,44 | |
| Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 - 09/02 | | | | | -10,61% | | -5,10% |

Danh sách khuyến nghị tháng 03.2026

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa ngày khuyến nghị | Ngày chốt danh mục | Giá đóng cửa ngày chốt danh mục | Tỷ suất sinh lời | Biên độ giá biến động trong kỳ | % giảm so với giá dùng lỗ đề xuất |
|---|------------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------------|------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
| MWG | 09/03/2026 | 77.000 | 07/04/2026 | 78.000 | 1,30% | 74.200–83.900 | -7,79% |
| CTG | 09/03/2026 | 33.200 | 07/04/2026 | 33.700 | 1,51% | 32.000–35.750 | -7,53% |
| STB | 09/03/2026 | 60.800 | 07/04/2026 | 61.700 | 1,48% | 58.100–69.200 | -7,89% |
| HCM | 09/03/2026 | 21.750 | 07/04/2026 | 24.250 | 11,49% | 19.100–24.600 | -7,59% |
| VPB | 09/03/2026 | 24.800 | 07/04/2026 | 26.050 | 5,04% | 23.900–27.350 | -8,06% |
| VCB | 09/03/2026 | 57.300 | 07/04/2026 | 58.000 | 1,22% | 56.500–62.000 | -7,33% |
| MBB | 09/03/2026 | 24.850 | 07/04/2026 | 25.600 | 3,02% | 24.850–27.100 | -7,44% |
| VNINDEX | 09/03/2026 | 1.652,79 | 07/04/2026 | 1.677,54 | 1,50% | 1.586–1.743 | |
| Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 09/03 - 07/04 | | | | | 3,58% | | -7,66% |

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC (2025)

Hiệu suất Danh mục & Vnindex



| (2025) | T1 | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | T8 | T9 | T10 | T11 | T12 |
|----------|------|------|--------|-------|------|------|-------|-------|-------|-------|------|------|
| Danh mục | 7,1% | 4,6% | -18,7% | 14,6% | 7,3% | 2,9% | 15,9% | -1,4% | -1,0% | -6,1% | 4,5% | 0,7% |
| Vnindex | 2,9% | 3,4% | -11,9% | 7,0% | 6,4% | 5,4% | 13,0% | 2,5% | 3,7% | -5,1% | 9,7% | 6,1% |

Danh mục khuyến nghị 2025, bắt đầu từ ngày 13/01/2025 và kết thúc chốt sổ tháng 12.2025 vào ngày 07/01/2026. Hiệu suất danh mục trong bảng được tính theo tháng. Tham khảo danh mục 12 tháng 2025:

[Danh sách khuyến nghị tháng 1 \(13/01\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 2 \(07/02\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 3 \(07/03\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 4 \(09/04\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 5 \(07/05\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 6 \(06/06\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 7 \(07/07\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 8 \(08/08\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 9 \(08/09\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 10 \(07/10\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 11 \(07/11\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 12 \(08/12\)](#)

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

• Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 – 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

• Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60-70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

• Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 – 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.